

THA HÓA CON NGƯỜI TRONG BỐI CẢNH TRÍ TUỆ NHÂN TẠO: NHẬN DIỆN, LÝ GIẢI VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM ĐẶNG HOÀNG VŨ*

Khoa Luật và Khoa học chính trị, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

*Tác giả liên hệ: danghoangvu@iuh.edu.vn

DOIs: <https://www.doi.org/10.46242/jstiuh.v76i4.5541>

Tóm tắt. Bài viết nghiên cứu hiện tượng tha hóa con người trong thời đại trí tuệ nhân tạo trên nền tảng lý luận triết học Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, xem đó là quá trình con người đánh mất năng lực tư duy, khả năng kiểm soát và chủ thể tính trong lao động, giáo dục và đời sống xã hội. Thông qua việc phân tích các biểu hiện cụ thể tại Việt Nam và lý giải nguyên nhân một cách biện chứng, bài viết chỉ ra rằng trí tuệ nhân tạo vừa là công cụ phát triển, vừa là nguy cơ tha hóa nếu thiếu kiểm soát đạo đức và pháp lý. Từ đó, tác giả đề xuất hệ thống chính sách mang tính kiến tạo nhằm bảo vệ con người, giữ vững nền tảng giá trị xã hội trong tiến trình số hóa và đảm bảo phát triển bền vững, nhân văn cho Việt Nam thời đại mới.

Từ khóa. Tha hóa, trí tuệ nhân tạo, triết học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng pháp luật.

1. GIỚI THIỆU NGHIÊN CỨU

Trong dòng chảy phát triển của lịch sử nhân loại, mỗi cuộc cách mạng về khoa học đều kéo theo những biến đổi sâu sắc không chỉ trong kết cấu kinh tế – xã hội, mà còn trong cấu trúc nhận thức và toàn bộ hệ giá trị của đời sống con người. Tuy vậy, khách quan mà nhìn nhận thì chưa có một giai đoạn nào mà sự can thiệp của công nghệ lại chạm đến tầng sâu nội tâm con người nhanh, rộng và khó lường như giai đoạn trí tuệ nhân tạo (AI) hiện nay, nơi mà ranh giới giữa người và máy, giữa tư duy tự chủ và hành vi được gợi ý, giữa chủ thể sáng tạo và đối tượng bị lập trình, ngày càng trở nên mờ nhòe đến mức người ta nhiều khi không còn phân biệt được đâu là quyết định của chính mình và đâu là sản phẩm của các thuật toán học sâu hoạt động âm thầm sau màn hình. Chính bối cảnh này, vấn đề “**tha hóa**” – một phạm trù triết học từng được Mác kiến tạo từ giữa thế kỷ XIX trong điều kiện công nghiệp hóa cổ điển nay đang quay trở lại với một hình thức mới, một cơ chế vận hành mới và một mức độ tinh vi hơn rất nhiều: Tha hóa không còn chỉ là sự tách rời giữa người lao động và sản phẩm lao động, mà là sự đứt gãy giữa con người với chính năng lực tư duy phản biện, năng lực cảm xúc chân thật, năng lực nhận thức đạo đức và khả năng chủ động kiến tạo tương lai của bản thân mình.

Điều đáng lo ngại hiện nay không chỉ nằm ở việc con người bị thay thế một phần trong các quy trình lao động, mà sâu xa hơn là con người đang dần đánh mất năng lực tự định hướng trong đời sống tinh thần. Mác từng xác định đó là “**bản tính loài**”, tức khả năng phát triển một cách có mục đích, có cộng đồng, có ý thức về chính giá trị làm người. Khi các cấu trúc đạo đức, văn hóa và pháp luật chưa kịp thích ứng để định hướng sự phát triển của công nghệ, thì chính con người thay vì làm chủ công nghệ, lại trở thành sản phẩm bị nhào nặn bởi công nghệ ấy, trong một quá trình tha hóa không ồn ào, nhưng dai dẳng và ăn sâu từng ngày. Tình trạng này, nếu không được nhận diện kịp thời và lý giải đúng bản chất, sẽ dễ bị hiểu lầm là hệ quả tất yếu của hiện đại hóa, từ đó dẫn đến một thái độ thụ động chấp nhận sự tha hóa như một cái giá phải trả cho phát triển.

Mác đã chỉ ra rằng tha hóa là kết quả của một cấu trúc xã hội – kinh tế – chính trị nhất định, và do đó hoàn toàn có thể được khắc phục thông qua việc kiến tạo lại các quan hệ xã hội trên cơ sở công bằng, nhân bản và mang tính người. Cũng trong tinh thần đó, tư tưởng Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng con người là vốn quý nhất, là trung tâm và mục tiêu của mọi chính sách phát triển, nếu để con người bị tha hóa dù bởi quyền lực, vật chất hay công nghệ, thì đó không chỉ là thất bại về mặt kỹ thuật quản trị, mà còn là thất bại về đạo lý và văn hóa dân tộc. Từ góc nhìn đó, tác giả cho rằng việc nghiên cứu lại khái niệm “**tha hóa**” trong bối cảnh AI là một yêu cầu lý luận cấp bách, bởi chỉ khi hiểu rõ bản chất của sự tha hóa mới có thể xây dựng được những chính sách pháp lý đủ chiều sâu và hiệu lực mạnh để kiểm soát rủi ro công nghệ. Đồng thời, việc tiếp cận hiện tượng này từ nền tảng triết học Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ giúp ta tránh được lối tư duy cực đoan (hoặc thần thánh hóa công nghệ, hoặc bài bác công nghệ), mà còn mở ra khả năng đặt ra các giới hạn nhân văn cho sự phát triển trí tuệ nhân tạo, kiến tạo nên một xã hội số vừa hiện đại, vừa gìn giữ được chiều sâu đạo đức và bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam. Vì vậy, bài viết này không chỉ là một vấn đề học thuật mang tính thời sự, mà còn là một lựa chọn có trách nhiệm trong việc bảo

vệ con người trước nguy cơ bị hòa tan vào thế giới kỹ thuật số mà không còn khả năng nhận ra đâu là mình, đâu là máy.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý thuyết

Khi con người bắt đầu bước vào bối cảnh trí tuệ nhân tạo, một giai đoạn phát triển công nghệ có tốc độ và phạm vi sâu rộng chưa từng có trong lịch sử nhân loại, thì đồng thời con người cũng xuất hiện ngày một rõ hơn những trạng thái lệch chuẩn trong đời sống tinh thần, nhận thức xã hội và năng lực làm chủ của chính mình. Trong bối cảnh này, chúng ta cần thiết phải quay về với phạm trù căn bản mang tính triết học, đó là **“tha hóa”** được Mác kiến tạo trong tác phẩm *“Bản thảo kinh tế – triết học năm 1844”* có thể coi là một chìa khóa trọng yếu để nhận diện, phân tích và cảnh báo những nguy cơ hiện hữu đang âm thầm diễn ra dưới bề mặt bóng bẩy của công nghệ.

Tha hóa là một khái niệm chỉ sự vận động, thay đổi của đối tượng theo chiều hướng trái ngược với bản chất của mình. Mác không phải là người đầu tiên bàn về **“tha hóa”** nhưng ông là người đã làm rõ bản chất và nguyên nhân của **“tha hóa”** trong lao động. Tha hóa bắt nguồn từ phân công lao động xã hội có tính đối kháng và từ chế độ tư hữu. Trong chủ nghĩa tư bản, quyền chiếm hữu tư liệu sản xuất thuộc về giai cấp tư sản, người công nhân đem bán sức lao động của mình cho nhà tư bản và đổi lại, nhà tư bản trả cho anh ta tiền công. Như vậy, sức lao động của người công nhân thuộc về nhà tư bản, vì mục tiêu lợi nhuận mà nhà tư bản có thể khai thác tối đa sức lao động đó. Nếu sức lao động và bản thân hoạt động lao động không thuộc về người công nhân thì kết quả của lao động cũng không thuộc về họ. Sản phẩm lao động trở thành cái đối lập với lao động. Sự tha hóa của lao động biểu hiện ở sự thống trị của sản phẩm lao động đối với người sản xuất. Từ chỗ là chủ thể của sản phẩm, người lao động trở nên phụ thuộc vào sản phẩm, phục tùng các quy luật riêng của nó. Theo Mác, sự tha hóa đó không chỉ có trong xã hội tư bản chủ nghĩa mà nó là nhân tố chủ yếu trong sự phát triển lịch sử của xã hội có phân chia giai cấp (Mác & Ăngghen, 1994, Toàn tập, tập 16, tr.199). Sức lao động của người công nhân bị đồng nhất với sức lực đơn giản cần thiết ở con người để vận hành máy móc, nó bị tách biệt khỏi người công nhân với tư cách là con người **“toàn bộ”**. Hoạt động lao động trở thành một hoạt động bên ngoài, hoạt động nô dịch đối với người công nhân, hoạt động bị tha hóa. Lao động trở thành một gánh nặng đè lên thể xác và tinh thần người lao động, khiến họ trở nên kiệt quệ, què quặt.

Mác viết: *“Lao động bị tha hóa làm cho thân thể của bản thân con người, cũng như giới tự nhiên ở bên ngoài con người, cũng như bản chất tinh thần của con người, bản chất nhân loại của con người trở thành xa lạ với con người”* (Mác & Ăngghen, 1995, Toàn tập, tập 42, tr.138). Trong lao động, người công nhân không khẳng định mình mà phủ định mình, không cảm thấy sung sướng mà cảm thấy khô sở, diễn ra một quá trình ngược: Người công nhân chỉ cảm thấy được sự tự do khi thực hiện các hành vi bản năng như ở động vật: ăn, uống, sinh con đẻ cái, ở, đi lại...; còn trong hoạt động mang tính người nhất là **“lao động”** thì người công nhân lại thấy mình như con vật. Đây là bi kịch đau đớn nhất của con người khi tiến lên chế độ tư hữu (Mác & Ăngghen, 1994, Toàn tập, tập 16, tr.200). Người lao động bị tha hóa đánh mất chính bản thân mình, đánh mất bản chất của mình, mất cả bản chất nhân loại (tính người, tình người) lẫn các quan hệ xã hội (nhóm, cộng đồng, ...) của bản thân. Lao động tha hóa thể hiện ở 4 khía cạnh: (1) tha hóa với sản phẩm lao động; (2) tha hóa với quá trình sản xuất hay với chính công việc; (3) tha hóa với loài người và (4) tha hóa với các tiềm năng của con người và *“khi ấy đời sống sản xuất chỉ còn là phương tiện duy trì sự sinh tồn thể xác”* (Mác & Ăngghen, 2000, Toàn tập, tập 42, tr.128). Do vậy, để giải phóng con người, cần thủ tiêu nguồn gốc căn bản của tha hóa (bóc lột, tư hữu tư liệu sản xuất, sự đối lập giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và chân tay...). Khắc phục tha hóa là một quá trình phức tạp, đầy mâu thuẫn và lâu dài.

Ngày nay, nếu ta chỉ nhìn thấy AI như một bước tiến của khoa học, mà bỏ qua những hệ quả xã hội kéo theo nó, đặc biệt là quá trình làm suy giảm năng lực chủ thể của con người, thì ta rất dễ rơi vào trạng thái ngây thơ kỹ thuật, tức tin rằng công nghệ tự thân luôn mang tính giải phóng, trong khi thực tế, nó có thể trở thành công cụ kim hãm và chi phối chính bản chất người nếu thiếu vắng những hàng rào đạo đức, chính sách và lý luận xã hội phù hợp. Điểm nhấn cốt lõi trong tư duy của Mác về tha hóa không nằm ở việc ông phát hiện ra một trạng thái xã hội mới, bởi sự xa lạ giữa người và người, giữa người và sản phẩm của mình, vốn đã được một số triết gia trước ông đề cập như Heghen hay Phoiơbắc, mà nằm ở cách Mác đặt hiện tượng tha hóa trong cấu trúc vật chất – lịch sử – xã hội cụ thể. Mác không chỉ mô tả hiện tượng con người

bị tha hóa khỏi sản phẩm lao động, khỏi quá trình lao động, khỏi bản tính loài, mà ông còn chỉ rõ rằng chính sự tách rời ấy không chỉ làm con người khổ sở vật chất, mà quan trọng hơn là làm họ đánh mất năng lực tư duy phản tỉnh, đánh mất khả năng kiến tạo cộng đồng nhân loại và rút cuộc đánh mất chính bản thân mình trong tư cách là chủ thể sáng tạo. Ở đây, khái niệm “*bản tính loài*” mà Mác sử dụng rất đáng lưu ý, bởi ông không xem con người đơn thuần là sinh vật sinh học, mà là một thực thể có năng lực lao động sáng tạo mang tính xã hội, nghĩa là biết làm vì người khác, làm có ý thức và thông qua lao động mà tự thể hiện bản thân trong mối liên hệ với người khác. Khi con người bị buộc phải lao động như một công cụ sinh tồn, bị chi phối bởi nhịp độ máy móc thì chính năng lực lao động như bản tính loài ấy bị tước đoạt và đó là sự tha hóa sâu sắc nhất.

Cho nên, việc vận dụng học thuyết Mác về tha hóa vào phân tích xã hội đương đại, cụ thể là xã hội bị dẫn dắt bởi trí tuệ nhân tạo không phải là một nỗ lực hoài cổ hay hồi tưởng, mà là một cách tiếp cận phê phán cần thiết để chúng ta không sa vào tâm lý ca ngợi vô điều kiện tiến bộ công nghệ và có năng lực lý giải đầy đủ những hệ quả xã hội của nó. Trong thời kỳ công nghiệp thuần túy, sản phẩm lao động là hàng hóa hữu hình, là vật thể có thể định lượng, thì ngày nay sản phẩm lao động là dòng dữ liệu, là mã lệnh, là thông tin, là hành vi được số hóa, ... trong nhiều trường hợp, chính con người không còn ý thức rõ mình đã tạo ra nó như thế nào và đã bị nó kiểm soát ra sao. Điều quan trọng là Mác không xem tha hóa như một trạng thái vĩnh viễn, mà như một hiện tượng có tính lịch sử – xã hội, nghĩa là xuất hiện trong một điều kiện nhất định và có thể bị khắc phục khi điều kiện thay đổi. Tha hóa có thể được khắc phục, nếu con người nhận thức được bản chất của sự tha hóa ấy và xây dựng lại những quan hệ xã hội mới công bằng, nhân văn và mang tính cộng đồng hơn. Dù trí tuệ nhân tạo có phát triển đến đâu, thì điều quan trọng nhất vẫn là xây dựng một cấu trúc xã hội, đạo đức và pháp lý sao cho công nghệ phục vụ con người, chứ không phải con người chạy theo công nghệ.

Tại Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh không dùng từ “*tha hóa*” mang tính học thuật như Mác, nhưng trong thực tiễn và lý luận của Người, việc cảnh báo nguy cơ con người đánh mất bản thân, đánh mất đạo đức, chạy theo chủ nghĩa cá nhân hoặc quyền lực chính là những hình thức tha hóa mà Người thường xuyên đề cập. Trong các bài nói, bài viết từ những năm 1950, Hồ Chí Minh đã cảnh báo: “*Chủ nghĩa cá nhân là kẻ địch hung ác của đạo đức cách mạng*”, và rằng “*người cán bộ nếu không tu dưỡng, không tự rèn luyện đạo đức thì dễ bị quyền lực tha hóa, đánh mất vai trò phục vụ nhân dân*” (Minh, 2011, Toàn tập, tập 4, tr.215). Nếu đặt tư tưởng ấy vào bối cảnh trí tuệ nhân tạo ngày nay thì ta có thể hiểu rằng con người nếu không có sự tự rèn luyện đạo đức, nếu không có thiết chế xã hội phù hợp, thì rất dễ bị công nghệ dẫn dắt theo những lợi ích cá nhân nhỏ hẹp, đánh mất mục tiêu cộng đồng, từ đó bị tha hóa theo kiểu mới, không phải tha hóa bởi tư bản, mà bởi thuật toán, không phải bị bóc lột bởi ông chủ, mà bởi các hệ thống số vô danh.

Dù sao, chính con người mới là chủ thể của lịch sử, là thực thể có bản tính sáng tạo – xã hội và bất kỳ hình thức tổ chức nào, dù là sản xuất vật chất hay hệ thống dữ liệu nếu khiến con người bị tách rời khỏi sản phẩm, bị lệ thuộc vào công cụ, bị mất năng lực tư duy phản biện, thì đó là tha hóa. Nhận diện được điều đó, chúng ta hoàn toàn có thể xây dựng một hệ thống pháp luật đủ mạnh, vừa định hướng được công nghệ theo tinh thần nhân văn, vừa bảo vệ được chủ thể con người khỏi những biểu hiện tha hóa kiểu mới trong xã hội kỹ thuật số đang không ngừng biến đổi.

2.2. Nội dung nghiên cứu

Trong các cuộc tranh luận học thuật hiện nay về tác động xã hội của trí tuệ nhân tạo, điều dễ nhận thấy là phần lớn các tiếp cận thường thiên về bình diện công nghệ với các khái niệm như hiệu suất, tự động hóa, dữ liệu lớn, học sâu, ... trong khi lại tương đối xem nhẹ những hệ quả nhân văn sâu xa mà AI đang từng ngày từng giờ tạo ra đối với vị thế con người. Điều này, xuất phát từ một thói quen tư duy hiện đại là xu hướng tin tưởng tuyệt đối vào tiến bộ kỹ thuật mà ít khi dừng lại để chất vấn các chiều sâu giá trị. Chính vì vậy, nội dung nghiên cứu của bài viết này không tiếp cận công nghệ như công cụ, mà phải chất vấn lại công nghệ mang tính chiều sâu tâm thức. Tức là không chỉ dừng lại ở câu hỏi “*AI làm được gì?*”, mà đi thẳng vào câu hỏi “*AI đang làm gì với con người?*” và xa hơn “*con người còn giữ được gì là chính mình trong thời đại AI?*”. Bài viết tập trung vào nhận diện thực trạng tha hóa của con người trong bối cảnh AI tại Việt Nam hiện nay, một số nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự tha hóa và một số nguyên tắc, giải pháp giảm thiểu tha hóa của con người trước công nghệ trên ba phương diện:

Thứ nhất, nghiên cứu làm sáng tỏ biểu hiện của tha hóa con người trong lao động sản xuất. Sự phát triển của hệ thống tự động hóa, robot và các giải pháp AI thông minh đang tạo ra một nghịch lý kép: Một mặt giúp tăng năng suất, tối ưu hóa chi phí, giảm áp lực tay chân cho người lao động, nhưng mặt khác lại đẩy

người lao động vào vị thế bị thay thế, bị giám sát, giảm thiểu khả năng tư duy chủ động, làm mờ nhạt vai trò sáng tạo, phần tinh vốn là cốt lõi của bản chất người trong lao động. Nội dung nghiên cứu ở phần này không chỉ dừng lại ở miêu tả xu hướng thay thế lao động bằng AI trong các doanh nghiệp Việt Nam, mà đi sâu vào việc phân tích sự chuyển đổi từ lao động mang tính người sang lao động bị số hóa, từ đó nhận diện đâu là những dấu hiệu cho thấy sự tha hóa đang diễn ra âm thầm nhưng rõ ràng qua từng công đoạn sản xuất, từng quy trình nhân sự và cơ chế đánh giá hiệu quả công việc theo tiêu chuẩn máy móc. Mỗi quan tâm cốt lõi ở đây không phải là mất việc, mà là mất người trong việc, tức là sự phai nhạt của chủ thể tính, sự thụ động hóa năng lực sáng tạo, và sự cơ giới hóa tư duy lao động, những vấn đề mà các số liệu kinh tế khó đo lường nhưng tác động xã hội thì rất sâu sắc.

Thứ hai, nghiên cứu làm sáng tỏ biểu hiện tha hóa trong giáo dục. AI không chỉ là công cụ hỗ trợ quản lý học tập hay xây dựng nội dung bài giảng, mà đang trở thành một lực lượng thực sự ảnh hưởng đến cách thức tiếp cận tri thức và cấu trúc hóa tư duy người học. Trong điều kiện thiếu hành lang pháp lý hướng dẫn sử dụng AI trong trường học, người học dễ rơi vào trạng thái sao chép, phụ thuộc, thụ động, sử dụng chatbot, công cụ học thông minh không nhằm mục đích nâng cao tri thức, mà để thay thế tư duy cá nhân. Tình trạng này nếu không được kiểm soát kịp thời sẽ dẫn đến hiện tượng “*suy giảm tư duy độc lập*”, một dạng tha hóa nguy hiểm, bởi nó không chỉ làm nghèo nội dung tri thức, mà còn làm thu hẹp tinh thần phản biện, nền tảng căn bản của con người học thuật, là một trong những điều kiện cốt lõi để xây dựng công dân tiên tiến trong nhà nước xã hội chủ nghĩa. Bài viết sẽ lý giải điều này không từ góc nhìn quản lý giáo dục, mà từ lý luận triết học về bản chất người, cụ thể là bản tính loài theo Mác, như năng lực tư duy có mục đích, có định hướng sáng tạo và vì cộng đồng, từ đó chỉ ra vì sao việc lệ thuộc vào công cụ thông minh, dù trong thời gian ngắn có thể tạo ra hiệu quả học tập cao, nhưng về lâu dài lại là một quá trình tước đoạt năng lực người. Thứ ba, nghiên cứu làm sáng tỏ biểu hiện của tha hóa trong đạo đức xã hội. AI đang có tác động sâu sắc thông qua hệ thống đề xuất nội dung trên nền tảng số, qua việc cá nhân hóa thông tin, tạo ra môi trường truyền thông khép kín, thiếu đối thoại và dẫn đến hiện tượng cực đoan hóa nhận thức, phân cực xã hội và suy giảm niềm tin cộng đồng. Khi thuật toán ưu tiên các nội dung gây sốc, giật gân hoặc củng cố định kiến cá nhân, thì hệ quả không chỉ dừng lại ở sự lệch chuẩn hành vi thông tin, mà mở rộng ra thành sự xói mòn của đạo đức công cộng, khi con người không còn nhìn thấy nhau như những chủ thể bình đẳng mà chỉ còn xem nhau như “*đối tượng phản ứng*”, bị quy định bởi niềm tin dựa vào cảm xúc do máy gợi ý, là gốc rễ của một loại tha hóa nguy hiểm: Tha hóa khỏi năng lực đồng cảm, thứ vốn không thể lập trình được bằng dữ liệu, nhưng lại là yếu tố duy trì sự gắn kết và ổn định xã hội.

Ngoài ra, các nghiên cứu còn đi vào lý giải một số nguyên nhân sâu xa, không chỉ mang tính kỹ thuật mà mang tính xã hội, tính pháp lý như: Sự thiếu vắng hành lang pháp luật điều tiết hoạt động AI một cách nhân văn; sự chậm trễ trong việc xây dựng đạo đức nghề nghiệp và công nghệ; sự thiếu phối hợp liên ngành, đặc biệt là giữa các ngành luật – giáo dục – lao động – công nghệ trong việc kiểm soát rủi ro AI; sự dễ dãi trong cách tiếp nhận AI của người dân, khi AI được xem như công cụ trung lập mà không ý thức được rằng thuật toán luôn mang theo dấu ấn của người lập trình, của hệ thống giá trị và đôi khi là cả định kiến mà xã hội chưa kịp hóa giải. Bằng cách phân tích nguyên nhân một cách biện chứng như vậy, bài viết không chỉ dừng lại ở việc mô tả hiện tượng, mà hướng đến khả năng can thiệp bằng chính sách.

Thông qua kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số nguyên tắc và giải pháp để giảm thiểu tác động của trí tuệ nhân tạo với sự tha hóa của con người. Trong đó nhấn mạnh đến việc xây dựng một hệ thống pháp luật mang tính kiến tạo, vừa kiểm soát sự phát triển của AI, vừa bảo vệ con người khỏi các biểu hiện tha hóa, thiết lập các nguyên tắc trong luật, thiết kế quy trình đánh giá rủi ro đạo đức trước khi triển khai hệ thống AI diện rộng, bắt buộc minh bạch thuật toán, lồng ghép các nội dung giáo dục đạo đức công nghệ vào hệ thống pháp luật hiện hành. Quan điểm chung là: Pháp luật không thể đứng sau công nghệ, càng không thể bị công nghệ định hình một cách vô thức. Ngược lại, pháp luật phải chủ động thiết lập một hệ quy chiếu giá trị, nơi con người được giữ ở vị trí trung tâm của mọi chính sách đổi mới, và công nghệ, dù hiện đại đến đâu, cũng phải được tổ chức vận hành trong một cấu trúc luật pháp, chứ không phải bằng cơ chế tự điều tiết mang tính vô thức của thị trường.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng của tha hóa con người trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam và các vấn đề thực tiễn đang đặt ra

** Tha hóa con người trong lĩnh vực lao động – sản xuất: Lệ thuộc vào tự động hóa, đánh mất tính chủ thể, thiếu sáng tạo:*

Theo Mác, lao động vốn dĩ không chỉ là một hoạt động sinh tồn đơn thuần, mà là hình thức biểu hiện rõ ràng nhất bản chất người, nơi con người khẳng định mình như một chủ thể sáng tạo, một thực thể có năng lực biến đổi tự nhiên theo mục tiêu tự đặt ra và từ đó tham gia vào quá trình kiến tạo lịch sử. Thế nhưng, khi điều kiện lao động bị điều tiết bởi một cơ chế sản xuất không do người lao động kiểm soát, khi sản phẩm bị sở hữu bởi một thế lực bên ngoài họ và khi chính bản thân quá trình lao động bị giản lược thành thao tác cơ giới, lặp đi lặp lại theo chuỗi đã được thiết lập sẵn, thì tính chủ thể của người lao động không những bị suy giảm mà còn bị thay thế một cách âm thầm nhưng triệt để, chính là biểu hiện của một hình thức tha hóa hiện đại trong lao động. Mặc dù không còn mang dáng dấp của thời kỳ tư bản công nghiệp cổ điển, nơi công nhân bị rút kiệt sức lao động bởi dây chuyền cơ giới, nhưng hiện nay dưới tác động của trí tuệ nhân tạo và tự động hóa, chúng ta đang chứng kiến một hiện tượng tương tự về bản chất: Người lao động dần đánh mất vai trò kiến tạo, chỉ còn tồn tại như một mắt xích thụ động trong chuỗi vận hành công nghệ, nơi họ bị dẫn dắt, bị giám sát và dần bị thay thế.

Trong báo cáo “*Tương lai việc làm ở ASEAN*” do Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) thực hiện năm 2023 cho thấy, tại Việt Nam 62% doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất chế tạo đã bắt đầu áp dụng công nghệ AI và hệ thống tự động hóa trong ít nhất một quy trình lao động, trong số đó 41% doanh nghiệp đã cắt giảm đáng kể nhu cầu tuyển dụng lao động phổ thông kể từ năm 2020 (Theo công an nhân dân online, 2023). Không thể phủ nhận rằng động lực chính của xu hướng này là nhằm tối ưu hóa chi phí, nâng cao năng suất và chuẩn hóa chất lượng đầu ra. Tuy nhiên, hệ quả kéo theo có thể không được định lượng trực tiếp bằng con số tài chính, đó còn là sự mất mát vai trò chủ thể của con người trong không gian lao động vốn từng là nơi họ thể hiện bản sắc, sáng tạo và gắn kết cộng đồng. Một công nhân lắp ráp trong nhà máy điện tử từng là người tự kiểm tra, chỉnh sửa, đề xuất cải tiến quy trình, nay trở thành người điều chỉnh máy theo hướng dẫn kỹ thuật, bị rút gọn thành thao tác kiểm tra định kỳ dữ liệu mà thuật toán đã phân tích sẵn, là một quá trình phi nhân hóa lao động, một hình thức bị động hóa hoạt động sáng tạo, dẫn tới hiện tượng tạm gọi là “*vô hình hóa năng lực nghề nghiệp*”.

Nguyên nhân sâu xa không nằm ở bản thân công nghệ, vì AI tự nó không có chủ ý tha hóa con người, mà nằm ở cách thức tổ chức sản xuất và logic vận hành của thị trường lao động. Ngày nay, năng suất được định nghĩa chủ yếu qua đơn vị sản lượng, qua thời gian xử lý và độ chính xác kỹ thuật; còn năng lực sáng tạo, tinh thần nghề nghiệp hay phẩm giá người lao động lại bị xem nhẹ, thậm chí bị coi là yếu tố gây nhiễu trong mô hình đo lường hiệu quả. Khi các hệ thống đánh giá nhân sự dựa trên biểu đồ KPI, khi thuật toán giám sát năng suất theo thời gian thực và khi ý kiến cải tiến của người lao động không còn được xem là đóng góp mà là “*ngoại lệ quy trình*”, thì toàn bộ không gian lao động bị thu hẹp lại thành một khuôn kỹ trị khép kín, con người tồn tại để phục vụ máy móc, chứ không phải ngược lại. Trong một khảo sát của Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2022 về ứng dụng chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam, có đến 74% doanh nghiệp được hỏi cho rằng công nghệ giúp họ kiểm soát được “*tình trạng nhân rồi, thiếu hiệu quả*” của nhân viên, nhưng chỉ 18% quan tâm đến việc công nghệ có ảnh hưởng như thế nào đến động lực lao động, tinh thần làm việc hoặc cảm giác được ghi nhận của nhân viên (Theo Tạp chí công thương, 2023).

Vì vậy, chúng ta cần đặt lại vấn đề mang ý nghĩa cách triết học về vai trò của con người trong không gian sản xuất hiện đại. Lao động không thể chỉ được hiểu là hành vi trao đổi thời gian lấy tiền lương, mà cần được tái định nghĩa là một không gian phát triển bản thân, một nơi để con người hiện thực hóa năng lực cá nhân và đóng góp cho cộng đồng. Khi AI và tự động hóa trở thành chuẩn mới trong tổ chức lao động, thì chính sách công phải đi trước một bước trong việc bảo vệ tính chủ thể của người lao động, nếu không chúng ta sẽ tiếp tục chứng kiến một thế hệ người lao động được đào tạo chỉ để tuân lệnh máy móc, không còn khả năng tư duy chủ động, và tệ hơn là đánh mất ý niệm về giá trị nghề nghiệp như một phần trong giá trị làm người.

** Tha hóa trong giáo dục: Sao chép, phụ thuộc AI, suy giảm tư duy độc lập:*

Nếu lao động là nơi con người thể hiện bản chất sáng tạo vật chất, thì giáo dục lại là không gian căn bản để hình thành, phát triển và hoàn thiện năng lực tư duy, nhân cách của một chủ thể xã hội. Chính vì vậy, khi AI bắt đầu can thiệp sâu vào hệ thống giáo dục, từ nội dung giảng dạy đến phương pháp học tập, thì những thay đổi diễn ra trong lĩnh vực này không chỉ đơn thuần là sự chuyển đổi công nghệ, mà là sự dịch chuyển âm thầm trong cấu trúc tri thức và cơ chế hình thành tư duy con người. Đây là nơi mà hiện tượng tha hóa thể hiện một cách tinh vi và nguy hiểm nhất, nó không còn mang hình thái cưỡng bức vật chất như trong

lao động công nghiệp, mà chuyển thành một dạng tha hóa nhận thức, người học đánh mất năng lực phản tư, dần lệ thuộc vào công cụ AI, từ đó bị tách khỏi chính bản thân mình như một chủ thể tư duy độc lập. Hiện nay, có xu hướng phổ biến là sinh viên, thậm chí có cả học sinh ngày càng biết khai thác sử dụng các công cụ AI như ChatGPT để tìm kiếm câu trả lời, viết bài tập, soạn luận văn mà không còn nhu cầu tự đọc, tự tổng hợp hay tự hình thành lý luận cho riêng mình. Khảo sát của Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh năm 2024 cho thấy, có tới trên 90% sinh viên từng sử dụng ChatGPT để hỗ trợ học tập, trong đó có bài tập, bài kiểm tra, ... (Theo Tuổi trẻ online, 2024). Chưa cần xét đến vấn đề liên chính khoa học cũng đã thấy đây là biểu hiện sâu sắc của một quá trình lệ thuộc công cụ, trí tuệ con người bị thay thế dần bởi một hệ thống xử lý ngôn ngữ học máy, nhưng hoàn toàn không gắn với bản thể, đạo đức và trách nhiệm cá nhân.

Lý giải nguyên nhân của hiện tượng này, có lẽ không nằm hoàn toàn ở công nghệ mà phần lớn bắt nguồn từ cách tổ chức quá trình giáo dục hiện nay. Giáo dục ngày nay đề cao thành tích, điểm số và tốc độ hoàn thành bài tập, các thang đo ấy được đặt lên trên năng lực hiểu sâu, tư duy độc lập và khả năng tự đánh giá tri thức. Khi học sinh bị dồn ép vào các kỳ thi liên tiếp, khi chương trình học quá tải mà thiếu đi các không gian trải nghiệm, phản biện và thảo luận đa chiều, thì việc các em tìm đến AI như một giải pháp cứu cánh là hiển nhiên. Thậm chí, giáo viên và nhà trường cũng bắt đầu chấp nhận điều đó như một xu thế của thời đại, đang vô tình đẩy thế hệ tương lai vào một quá trình tha hóa mà không có cảnh báo rõ ràng.

Ở bình diện rộng hơn, sự xuất hiện của AI trong giáo dục sẽ làm giảm ý nghĩa của giáo dục nhân văn truyền thống. Người học không còn động lực tự học, thầy cô chỉ còn đóng vai trò giám sát kỹ thuật thay vì người truyền cảm hứng và khi luận văn, bài viết trở thành sản phẩm “*công nghiệp hóa*” được sản xuất từ công cụ AI thì nền giáo dục không còn hướng đến con người như một chủ thể sáng tạo, mà đang hình thành một thể hệ “*người học kỹ thuật số*”. Một thể hệ học sinh, sinh viên mới đang dần hình thành có đặc điểm chung là nghèo tư duy, giỏi thao tác, nhưng yếu lý luận. Điều này, nếu không được nhận diện kịp thời và điều chỉnh bằng các chính sách sư phạm phù hợp sẽ gây ra hậu quả lâu dài, không chỉ làm xói mòn chất lượng nguồn nhân lực, mà còn làm suy yếu nền tảng tư duy phản biện, vốn là gốc rễ của mọi nền dân chủ học thuật và sự tiến bộ xã hội. Để khắc phục tình trạng này, cần phải tổ chức lại quá trình giáo dục theo hướng khơi gợi tư duy thay vì cung cấp đáp án, tạo ra không gian học thuật nơi AI không đóng vai trò thay thế tư duy mà chỉ hỗ trợ tư duy, đồng thời phải xây dựng bộ quy chuẩn đạo đức học đường mới, trong đó việc sử dụng AI phải gắn với năng lực tự kiểm soát, tự phản biện và trách nhiệm cá nhân. Nếu không làm được điều đó, thì công nghệ dù có hiện đại đến đâu cũng chỉ là cái vỏ đẹp, nhưng bên trong là một kết quả giáo dục đang tha hóa con người khỏi chính mục tiêu cao quý nhất của nó: Hình thành những chủ thể tự do, biết suy nghĩ, biết phân biệt và biết phản kháng khi đối mặt với các giá trị phi nhân bản.

** Tha hóa trong đạo đức xã hội: Niềm tin xã hội dựa vào thuật toán:*

Nếu giáo dục là không gian để hình thành tư duy, thì đạo đức xã hội lại là cách ứng xử để những tư duy ấy kết tinh thành hành vi, thói quen và nhân cách cộng đồng. Các quy chuẩn xã hội gò ép con người phải được rèn luyện ý thức trách nhiệm với người khác, định hình khả năng tự kiểm soát bản thân trước các cám dỗ ích kỷ. Tuy nhiên, trí tuệ nhân tạo can thiệp ngày một sâu vào đời sống thông tin, vào quy trình phân phối nội dung, vào cả cấu trúc truyền thông xã hội, thì đó là một sự chuyển hóa âm thầm nhưng đầy nguy hiểm, đang diễn ra trong chính nền tảng đạo đức cộng đồng. Sự tha hóa đạo đức, một hình thức không biểu hiện qua hành vi sai lệch rõ ràng, mà diễn ra từ bên trong nhận thức dưới vỏ bọc cá nhân hóa thông tin, thuận tiện hóa trải nghiệm, nhưng thực chất là cắt đứt con người khỏi thế giới quan đa chiều, làm xói mòn khả năng cảm thông và niềm tin vào tính phổ quát của giá trị xã hội.

Hiện nay, có thực tế là phần lớn người sử dụng mạng xã hội (*cả thế giới lẫn tại Việt Nam*) được tiếp cận thông tin qua hệ thống đề xuất tự động của các thuật toán, dựa trên hành vi lướt web trước đó và khiến cho họ giảm bớt tương tác với quan điểm trái chiều do không được gợi ý (Theo Tuổi trẻ cuối tuần, 2020). Tạm gọi đó là hiệu ứng “*buồng vọng âm*” đang dần hình thành, mỗi cá nhân bị bao bọc trong một không gian thông tin riêng biệt, được cá nhân hóa đến mức chỉ còn nghe thấy những điều mình thích, nhìn thấy những điều mình quen và mất đi cơ hội kháng cự mọi sự khác biệt. Có thể đây là giai đoạn đầu tiên của tha hóa đạo đức, khi chuẩn mực không còn được xây dựng từ tiếp xúc đa chiều với thực tại, mà được quyết định bởi những thuật toán có mục tiêu chính là giữ chân người dùng càng lâu càng tốt, chứ không quan tâm đến tính cân bằng hay chân thực của thông tin.

Đạo đức xã hội không phải là một hệ thống quy tắc áp đặt từ bên ngoài, mà là sự tự điều chỉnh hành vi dựa trên khả năng nhận thức người khác như một chủ thể bình đẳng, có quyền khác biệt, có lý do để sống và

suy nghĩ không giống ta. Khi AI thay thế cơ chế tiếp nhận thông tin bằng thuật toán gợi ý, thì con người đánh mất dần khả năng tự đặt mình vào vị trí của người khác, mất năng lực tưởng tượng đạo đức, điều mà triết học hiện đại coi là trung tâm của mọi tiến trình liên nhân cách. Mặt khác, khi các hệ thống AI ưu tiên nội dung gây tranh cãi, gây sốc, hoặc tạo hiệu ứng cảm xúc cao nhằm tăng tương tác, thì những hành vi cực đoan, thiên lệch, thậm chí phi nhân đạo có xu hướng được lan truyền nhiều hơn các nội dung dung hòa, thấu hiểu hay có giá trị giáo dục. Đây là mảnh đất màu mỡ cho sự hình thành các biểu hiện lệch chuẩn mới, nơi con người dễ nổi nóng, dễ mất kiểm soát, dễ phán xét và đặc biệt dễ mất niềm tin vào cộng đồng vì luôn nghĩ mình là nạn nhân của những “kẻ khác”.

Một khi con người không còn tin vào sự thật khách quan mà chỉ tin vào những gì thuật toán gợi ý, thì nền tảng đạo đức xã hội vốn xây dựng trên sự đồng thuận tối thiểu về chân lý, công lý và trách nhiệm đang bị bào mòn từ gốc. Nguyên nhân của điều này, có thể vì chúng ta đã quá dễ dãi trong việc giao phó toàn bộ quyền kiểm soát đời sống thông tin cho những hệ thống vận hành theo logic thương mại, nơi mục tiêu cuối cùng không phải là sự trưởng thành đạo đức của công dân, mà là chỉ số tiêu thụ, thời gian tương tác và lợi nhuận quảng cáo. Soi chiếu vào tư tưởng của Mác, thì đây là hình thái tha hóa đặc biệt nguy hiểm: Tha hóa khỏi năng lực đạo đức, tức mất khả năng phán đoán giá trị xã hội từ góc độ cộng đồng, bị trôi dạt vào những thế giới ảo mang tính cảm xúc cá nhân hóa và từ đó biến con người thành thực thể tiêu dùng thụ động, không còn gắn kết với cộng đồng như một hữu thể xã hội có trách nhiệm liên đới.

Trong “*Bản thảo kinh tế – triết học năm 1844*”, Mác cảnh báo rằng, “con người khi bị tha hóa khỏi bản tính loài – tức khả năng quan hệ với người khác bằng sự sáng tạo có ý thức thì sẽ dần đánh mất vai trò của mình trong sự phát triển nhân loại” (Mác & Ăngghen, 1995, Toàn tập, tập 3, tr.91) và nếu áp dụng vào thời đại hôm nay, thì việc con người mất dần khả năng đồng cảm, mất dần năng lực lắng nghe người khác, dù chỉ trong không gian số là minh chứng rõ ràng nhất cho dạng tha hóa ấy. Ngăn chặn quá trình tha hóa đạo đức xã hội trong bối cảnh AI không thể chỉ trông chờ vào hệ thống giáo dục hay các chiến dịch truyền thông rời rạc, mà cần đến một hệ sinh thái pháp lý phù hợp, đầy đủ, được tổ chức lại theo hướng minh bạch thuật toán, bắt buộc các nền tảng số công khai cơ chế đề xuất nội dung, đồng thời xây dựng quy chuẩn đạo đức công nghệ đặt trọng tâm vào bảo vệ năng lực tương tác lành mạnh của con người. Nếu không làm được điều đó, thì dù có phát triển AI hiện đại đến đâu, xã hội vẫn sẽ ngày càng phân rã, bởi mất đi nền tảng chung, đó là niềm tin xã hội, thứ vốn chỉ có thể được hình thành từ khả năng nhìn thấy người khác như một con người, chứ không phải như một tài khoản mạng xã hội bị thuật toán định dạng.

3.2. Một số nguyên tắc và giải pháp chủ yếu để giảm tác động của trí tuệ nhân tạo với sự tha hoá của con người

Từ nội dung nghiên cứu trên, bài viết đề xuất một số nguyên tắc và giải pháp chủ yếu nhằm giảm thiểu tác động của AI đối với sự tha hoá của con người. Các nguyên tắc và giải pháp được đề xuất đều dựa trên các cơ sở lý luận và thực tiễn đã phân tích, đồng thời bám sát vào sự nhất quán với quan điểm triết học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và phát triển xã hội.

Thứ nhất, *cần quán triệt nguyên tắc con người làm chủ công nghệ*: Đây là nguyên tắc mang tính nền tảng, đảm bảo rằng AI luôn phục vụ lợi ích của con người chứ không phải ngược lại. Theo quan điểm của C.Mác, con người là chủ thể của lịch sử và sáng tạo ra công cụ sản xuất nhằm phục vụ chính mình. Vì vậy, pháp luật phải quy định rõ vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của con người trong việc quản lý, kiểm soát và sử dụng AI, tránh để con người bị lệ thuộc và chi phối bởi chính những công nghệ mà họ sáng tạo ra.

Thứ hai, *phải đảm bảo nguyên tắc công bằng và bình đẳng trong tiếp cận và sử dụng AI*: Đây là điều kiện quan trọng để hạn chế sự phân hóa giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội có thể xuất phát từ ứng dụng công nghệ AI. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, công bằng xã hội là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển bền vững, “không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng; Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên” (Minh, 2011, tập 15, tr.224). Vì vậy, pháp luật cần tạo cơ hội bình đẳng cho mọi tầng lớp nhân dân được hưởng lợi từ AI, đồng thời kiểm soát và điều tiết các tác động tiêu cực của công nghệ để ngăn ngừa nguy cơ bất bình đẳng, bất công xã hội.

Thứ ba, *cần quán triệt nguyên tắc bảo vệ tối đa nhân phẩm và những quyền cơ bản của con người được quy định trong Hiến pháp 2013*: Trí tuệ nhân tạo trực tiếp hoặc gián tiếp tác động vào các hành vi xâm phạm vào quyền riêng tư và tự do cá nhân của con người ở các cấp độ khác nhau. Do đó, pháp luật phải có những quy định rõ ràng và chặt chẽ để bảo vệ các quyền cơ bản này. Điều này cũng phù hợp với nguyên lý

cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, coi con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển xã hội và quan điểm của Hồ Chí Minh về việc xây dựng xã hội nhân văn, bảo vệ và phát huy quyền con người.

** Từ những nguyên tắc trên, có một số kiến nghị về các giải pháp pháp lý cụ thể như sau:*

Một là, nhà nước cần sớm có lộ trình hoàn thiện pháp luật về Trí tuệ nhân tạo. Khi tác giả đang kiến tạo bài viết này thì Quốc hội cũng đang bàn luận về dự thảo Luật công nghiệp công nghệ số, là một khởi đầu quan trọng để từng bước hoàn thiện các quy định khác trong các nghị định, thông tư về sau nhằm quy định chi tiết các quy phạm điều chỉnh về trí tuệ nhân tạo. Pháp luật về AI cần quy định cụ thể về nguyên tắc và phạm vi sử dụng AI, trách nhiệm pháp lý của các tổ chức và cá nhân liên quan. Bên cạnh đó, cần xây dựng rõ cơ chế giám sát và đánh giá tác động của AI đối với con người và xã hội, từ đó điều chỉnh kịp thời nhằm ngăn chặn các nguy cơ tha hóa và lạm dụng công nghệ.

Hai là, hệ thống pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư cần được bổ sung và hoàn thiện. Hiện nay, pháp luật cũng chỉ mới có Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân, trong khi dự thảo Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân dự kiến đến ngày 01/01/2026 mới có hiệu lực. Vì vậy, pháp luật cần chú trọng vào các quy định quyền thu thập, lưu trữ, sử dụng dữ liệu và các biện pháp bảo vệ thông tin cá nhân, nhằm ngăn ngừa tình trạng xâm phạm quyền riêng tư, từ đó giảm thiểu hiện tượng tha hóa đối với con người.

Ba là, cần xây dựng các quy định pháp luật đặc thù nhằm bảo vệ quyền lợi của người lao động trước tác động từ trí tuệ nhân tạo, đặc biệt trong bối cảnh tự động hóa và AI đang ngày càng thay thế vai trò con người trong sản xuất. Kinh nghiệm từ một số quốc gia trên thế giới cho thấy pháp luật cần có những biện pháp hỗ trợ tái đào tạo nghề nghiệp, bảo vệ quyền lợi việc làm và thu nhập cho người lao động khi đối mặt với các thay đổi do thay thế công nghệ nền tảng trong bối cảnh sản xuất mới. Điều này cũng phù hợp với định hướng của Thủ tướng Chính phủ trong Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 về phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030” với 8 nhóm nhiệm vụ và giải pháp căn bản. (Theo Tạp chí điện tử giáo dục Việt Nam, 2022).

Bốn là, cần quy định rõ trách nhiệm xã hội và đạo đức đối với các doanh nghiệp và tổ chức sử dụng trí tuệ nhân tạo. Theo tinh thần tư tưởng Hồ Chí Minh, đạo đức cách mạng là yếu tố then chốt trong quản lý, điều hành xã hội và phát triển bền vững. Do đó, pháp luật cần yêu cầu các doanh nghiệp ứng dụng AI phải minh bạch trong hoạt động, có trách nhiệm đạo đức đối với xã hội và con người, đồng thời xây dựng các chuẩn mực đạo đức rõ ràng trong việc ứng dụng và quản lý công nghệ này.

Năm là, thúc đẩy giáo dục đạo đức và nâng cao nhận thức xã hội về sử dụng trí tuệ nhân tạo thông qua các chính sách giáo dục quốc gia. Các chương trình giáo dục cần đưa vào nội dung về trách nhiệm xã hội, đạo đức cá nhân và kỹ năng tư duy sáng tạo để giúp con người làm chủ công nghệ, tránh xa nguy cơ tha hóa.

Như vậy, những khuyến nghị trên không chỉ giúp hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực ứng dụng trí tuệ nhân tạo mà còn góp phần quan trọng trong việc bảo vệ con người khỏi nguy cơ tha hóa, đảm bảo rằng công nghệ sẽ phục vụ đắc lực cho sự phát triển toàn diện, bền vững của xã hội và đất nước.

4. KẾT LUẬN

Sự phát triển nhanh chóng và sâu rộng của trí tuệ nhân tạo đang làm thay đổi toàn diện đời sống xã hội, mở ra nhiều cơ hội lớn về tăng trưởng kinh tế, cải thiện chất lượng cuộc sống và thúc đẩy tiến bộ xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích to lớn, trí tuệ nhân tạo cũng đặt ra nhiều thách thức nghiêm trọng, trong đó nổi bật nhất là hiện tượng tha hóa con người, biểu hiện cụ thể qua sự lệ thuộc ngày càng lớn vào công nghệ, suy giảm tương tác xã hội, mất tự chủ trong lao động và sự xói mòn các giá trị đạo đức truyền thống.

Bài viết đã phân tích lý luận và thực tiễn từ góc nhìn triết học Mác - Lênin đã giúp làm rõ bản chất của hiện tượng này, đồng thời việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng và xây dựng con người mới là cơ sở quan trọng để tìm kiếm giải pháp phòng ngừa và khắc phục hiện tượng tha hóa hiệu quả nhất. Kết quả nghiên cứu không chỉ cung cấp cơ sở lý luận sâu sắc, giúp nhận diện đầy đủ và chính xác hơn về tác động của trí tuệ nhân tạo đến con người, mà còn đưa ra những nguyên tắc và khuyến nghị pháp lý thiết thực, giúp Việt Nam xây dựng hệ thống pháp luật phù hợp với yêu cầu mới trong bối cảnh công nghệ số ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Qua bài viết này, tác giả định hướng cho các nghiên cứu tiếp theo tập trung vào các vấn đề cụ thể hơn như cơ chế giám sát và đánh giá hiệu quả ứng dụng trí tuệ nhân tạo, nghiên cứu sâu hơn về tác động của AI đến các nhóm xã hội đặc thù, và mở rộng góc nhìn đa ngành để tìm kiếm giải pháp tổng thể, bền vững hơn. Đặc biệt, cần có các nghiên cứu sâu hơn về giáo dục đạo đức và trách nhiệm xã hội trong bối cảnh số hóa, nhằm

trang bị cho mỗi cá nhân năng lực tư duy độc lập, khả năng phản biện và làm chủ công nghệ, theo đúng tinh thần của tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới toàn diện.

Cuối cùng, để đảm bảo việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ lợi ích con người, tránh xa nguy cơ tha hóa, rất cần sự tham gia tích cực từ phía các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý, nhà khoa học và toàn xã hội. Việc nghiên cứu và vận dụng sáng tạo triết học Mác - Lênin cùng với tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ cung cấp nền tảng lý luận vững chắc mà còn định hướng rõ ràng cho các giải pháp thực tiễn, góp phần quan trọng vào sự phát triển toàn diện, bền vững của xã hội Việt Nam trong thời đại công nghệ số hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Hà Nội: Chính trị quốc gia Sự thật. t.1.
- Huyền, T.T.N (2010). *Quan niệm của Các Mác về tha hóa và ý nghĩa của quan niệm đó đối với phát triển con người Việt Nam*. Hà Nội: Chính trị quốc gia.
- Mác, C. & Ăngghen, P. (1994). *Toàn tập*. Hà Nội: Chính trị quốc gia Sự thật. t.16.
- Mác, C. & Ăngghen, P. (1995). *Toàn tập*. Hà Nội: Chính trị quốc gia Sự thật. t.3.
- Mác, C. & Ăngghen, P. (1995). *Toàn tập*. Hà Nội: Chính trị quốc gia Sự thật. t.4.
- Mác, C. & Ăngghen, P. (1995). *Toàn tập*. Hà Nội: Chính trị quốc gia Sự thật. t.19.
- Mác, C. & Ăngghen, P. (1995). *Toàn tập*. Hà Nội: Chính trị quốc gia Sự thật. t.42.
- Mác, C. & Ăngghen, P. (2000). *Toàn tập*. Hà Nội: Chính trị quốc gia Sự thật. t.42.
- Mác, C. & Ăngghen, P. (2002). *Toàn tập*. Hà Nội: Chính trị quốc gia Sự thật. t.20.
- Minh, C.H. (2011). *Toàn tập*. Hà Nội: Chính trị quốc gia Sự thật. t.1.
- Minh, C.H. (2011). *Toàn tập*. Hà Nội: Chính trị quốc gia Sự thật. t.3.
- Minh, C.H. (2011). *Toàn tập*. Hà Nội: Chính trị quốc gia Sự thật. t.4.
- Minh, C.H. (2011). *Toàn tập*. Hà Nội: Chính trị quốc gia Sự thật. t.15.
- Minh, N.T. (2020). *Vấn đề con người trong tác phẩm “Bản thảo kinh tế – triết học năm 1844” của C. Mác và ý nghĩa lịch sử*. Hà Nội: Lý luận chính trị.
- Thảo, Đ.T. (2000). *Vấn đề con người và lý luận về con người*. TP. Hồ Chí Minh: Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- <https://cand.com.vn/the-gioi-24h/thay-gi-tu-bao-cao-ve-tuong-lai-thi-truong-viec-lam-cua-wef-i692058/>
- <https://tapchicongthuong.vn/chuyen-doi-so-trong-doanh-nghiep-nho-va-vua-tai-viet-nam-va-tac-dong-cua-chinh-sach-108167.htm>
- <https://tuoitre.vn/gan-90-sinh-vien-dai-hoc-quoc-gia-tp-hcm-su-dung-chatgpt-de-hoc-tap-20241116131340657.htm>
- <https://cuoituan.tuoitre.vn/cuoc-song-trong-vong-kem-toa-cua-thuat-toan-1561274.htm>
- <https://giaoduc.net.vn/8-nhom-nhiem-vu-va-giai-phap-chuyen-doi-so-trong-giao-duc-nghe-nghiep-post223469.gd>

HUMAN ALIENATION IN THE AGE OF ARTIFICIAL INTELLIGENCE: PHILOSOPHICAL DIAGNOSIS, EXPLANATORY FRAMEWORKS, AND POLICY ORIENTATIONS FOR VIETNAM

DANG HOANG VU*

Faculty of Law and Political Science, Industrial University of Ho Chi Minh City

**Corresponding Author: danghoangvu@iu.edu.vn*

Abstract. This article examines the phenomenon of human alienation in the era of artificial intelligence through the theoretical lens of Marxist-Leninist philosophy and Ho Chi Minh's thought, considering it as a process in which individuals lose their capacity for critical thinking, control, and subjectivity in labor, education, and social life. By analyzing specific manifestations in Vietnam and offering dialectical explanations, the article argues that artificial intelligence is both a tool for development and a potential source of alienation if not governed by ethical and legal frameworks. Consequently, the author proposes a system of constructive legislative solutions aimed at safeguarding human dignity, preserving foundational social values in the digital transformation process, and ensuring a sustainable and humane path of development for Vietnam in the new era.

Keywords. Alienation, artificial intelligence, Marxist-Leninist philosophy, Ho Chi Minh's thought, law-making.

Ngày gửi bài: 26/3/2025

Ngày nhận đăng: 25/5/2025